|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Kon Tum, ngày 20 tháng 10 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Tóm tắt các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình**

**Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII**

Căn cứ Chương trình kỳ họp chuyên đề tháng 10 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tóm tắt các nội dung trình Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, cụ thể như sau:

**1. Tờ trình phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương**

**a) Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương **9.600.280** triệu đồng, trong đó: phân bổ chi tiết để thực hiện các dự án, nhiệm vụ **8.674.280** triệu đồng và dự phòng **926.000** triệu đồng.

- Đối với vốn hỗ trợ cho vùng kinh tế động lực giai đoạn 2021-2025: Trước mắt phân bổ **75.000 triệu đồng** cho thành phố Kon Tum và **75.000 triệu đồng** cho huyện Kon Plông để triển khai thực hiện. UBND tỉnh sẽ rà soát, trình HĐND tỉnh xem xét, phân bổ số vốn còn lại sau khi Đề án phát triển các vùng kinh tế động lực tỉnh Kon Tum tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được HĐND tỉnh thông qua.

- Đối với phần vốn dự phòng: UBND tỉnh rà soát, trình HĐND tỉnh xem xét phân bổ theo nhu cầu đầu tư cho các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và bố trí thực hiện một số dự án phát sinh trong quá trình thực hiện khi đảm bảo được nguồn vốn cân đối.

**b) Phương án phân bổ kế hoạch vốn**

- Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước **2.853.604 triệu đồng,** trong đó: Phân cấp cho các huyện, thành phố 1.245.955 triệu đồng; Vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh khoảng 1.507.649 triệu đồng, Dự phòng để xử lý trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 100.000 triệu đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết **486.000 triệu đồng,** trong đó: Phân cấp cho các huyện, thành phố 48.500 triệu đồng; Bố trí vốn đầu tư 07 dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp 195.341 triệu đồng; Bố trí vốn đầu tư 06 dự án thuộc lĩnh vực y tế, dân số và gia đình 222.959 triệu đồng; Bố trí vốn đầu tư 02 dự án thuộc lĩnh vực văn hóa 19.200 triệu đồng.

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương **83.900 triệu đồng:** Bằng với bội chi ngân sách địa phương năm 2021 đã được Quốc hội quyết định.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác **6.142.316 triệu đồng**, trong đó: Phân cấp ngân sách các huyện, thành phố được hưởng 892.350 triệu đồng; Chi quản lý đất đai 106.820 triệu đồng; Trích nộp quỹ phát triển đất 21.362 triệu đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu bán đấu giá các cơ sở nhà đất và các nguồn vốn hợp pháp khác cấp tỉnh quản lý 4.295.784 triệu đồng; Dự phòng 826.000 triệu đồng.

- Nguồn thu để lại chưa cân đối vào ngân sách địa phương **34.460 triệu đồng:** Dự kiến nguồn thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y **34.460** triệu đồng bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia.

**2. Tờ trình về Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum**

**a) Kế hoạch vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ**

- Thực hiện Nghị quyết số 70/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm giai đoạn 2021-2025, tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 khoảng **16.358.000 triệu đồng**, tương ứng số thu ngân sách địa phương được hưởng bình quân hằng năm của giai đoạn 2021-2025 khoảng **3.250.000 triệu đồng**; theo đó, mức dư nợ vay bình quân dự kiến tối đa của giai đoạn 2021-2025 khoảng **650.000 triệu đồng**. Ngày 16/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 79/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; trong đó, tỷ lệ cho vay lại đối với cấp tỉnh như sau: *“b) Địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% đến dưới 70%, tỷ lệ cho vay lại* ***là 30%*** *vốn vay ODA, vay ưu đãi;”.*

- Để đảm bảo Nghị quyết của HĐND tỉnh bám sát với quy định mới được ban hành, UBND tỉnh áp dụng tỷ lệ vay lại của địa phương **là 30%** theo quy định của Chính phủ tại Nghị định trên. UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Kon Tum như sau:

+ *Kế hoạch vay của các dự án, chương trình đã ký thỏa thuận vay với Bộ Tài chính trong giai đoạn 2016-2020*: Trong giai đoạn 2021-2025, các dự án, chương trình đã ký thỏa thuận vay với Bộ Tài chính tiếp tục rút vốn vay lại khoảng **100.789 triệu đồng**, dự kiến đến năm 2025 sau khi trả nợ gốc vay theo thỏa thuận vay với Bộ Tài chính, dư nợ vay của các dự án, chương trình này còn khoảng **85.400 triệu đồng**.

+ *Kế hoạch vay của các dự án đề xuất mới giai đoạn 2021-2025*: Ngoài 03 dự án, chương trình đã ký thỏa thuận vay với Bộ Tài chính, trong giai đoạn 2021-2025, dự kiến có 05 dự án vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ để thực hiện, gồm: Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án tại Văn bản số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021; Dự án vay vốn *WB (nâng cao an toàn hồ đập và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi)* giai đoạn 2021-2025; Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thành phố Kon Tum; Dự án Phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp; Dự án Giảm thiểu tác động của dịch bệnh Corrona tới kinh tế và xã hội thông qua bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng ở vùng Tây Nguyên. Tổng mức đầu tư của các Dự án đề xuất mới nêu trên khoảng 2.418.000 triệu đồng, với cơ chế tài chính dự kiến địa phương vay lại 30% vốn ODA tham gia dự án, tổng mức vốn vay của các Dự án khoảng 411.200 triệu đồng.

*+**Dự phòng kế hoạch vay của các dự án dự kiến phát sinh* ***153.400 triệu đồng****:* Với mức dư nợ vay bình quân của ngân sách địa phương dự kiến khoảng 650.000 triệu đồng, thì mức dư nợ vay của năm cuối giai đoạn khoảng 496.600 triệu đồng; theo đó mức dư nợ vay còn lại 153.400 triệu đồng, UBND tỉnh đề xuất đưa vào kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của tỉnh để dự phòng phát sinh và chủ động xây dựng kế hoạch vay mới cho các dự án nếu có theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

**b) Kế hoạch trả nợ gốc vay:**Trong giai đoạn 2021-2025, kế hoạch trả nợ gốc vay của các dự án, chương trình địa phương vay nợ khoảng **65.532 triệu đồng**. Trong đó, trả nợ gốc vay các dự án, chương trình đã vay trong giai đoạn 2016-2020 đến hạn trả nợ gốc vay theo thỏa thuận đã ký với Bộ Tài chính khoảng **65.532 triệu đồng**. Đối với các dự án đề xuất mới thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, chưa thực hiện trả nợ, thời gian trả nợ gốc vay sẽ thực hiện theo thỏa thuận vay với Bộ Tài chính.

**3. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum**

Theo báo cáo của UBND huyện Kon Plông và UBND huyện Ia H’Drai, hiện nay trên địa bàn các huyện có một số dự án dự kiến không có khả năng giải ngân hết số vốn chương trình 30a thuộc kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2021 khoảng **1.439,62 triệu đồng**. Bên cạnh đó, UBND huyện Tu Mơ Rông đề xuất bổ sung vốn cho dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông từ nguồn vốn chương trình 30a thuộc kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2021.

Để giải ngân hết nguồn vốn, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau: Giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện Ia H'Drai 1.198,40 triệu đồng và huyện Kon Plông 241,22 triệu đồng để bố trí cho huyện Tu Mơ Rông 1.439,62 triệu đồng.

**4. Tờ trình về dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2022 tỉnh Kon Tum**

**a)** Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 thông báo dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Kon Tum là **2.232.135 triệu đồng**, gồm: Vốn ngân sách địa phương **849.620 triệu đồng**; Vốn ngân sách trung ương **1.382.515 triệu đồng**.

**b) Danh mục dự kiến và thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch vốn nguồn ngân sách trung ương**

- Đối với nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước): Phân bổ vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước là **184.755 triệu đồng** *(bằng mức vốn Trung ương thông báo)* của 03 dự án; Bố trí vốn cho 08 dự án chuyển tiếp với tổng kế hoạch là **462.330 triệu đồng**; Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư **5.000 triệu đồng** để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư của 05 dự án; Bố trí khởi công mới năm 2022 cho 10 dự án với tổng kế hoạch là **238.262 triệu đồng**.

- Nguồn vốn nước ngoài ODA: Dự kiến bố trí cho 4 dự án chuyển tiếp, cụ thể như sau: (1) Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; (2) Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững; (3) Dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả; (4) Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum.

**5. Tờ trình phân bổ kinh phí thường xuyên Trung ương bổ sung mục tiêu năm 2021 cho các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021**

Tổng kinh phí thường xuyên Trung ương bổ sung mục tiêu năm 2021 cho tỉnh Kon Tum thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dụng nông thôn mới là **4.943 triệu đồng**.

Căn cứ hướng dẫn và tiêu chuẩn, định mức phân bổ, UBND kính trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ **4.943 triệu đồng** để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 như sau: Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh 500 triệu đồng; Thành phố Kon Tum 1.692 triệu đồng; Huyện Đăk Hà 635 triệu đồng; Huyện Đăk Tô 317 triệu đồng; Huyện Ngọc Hồi 741 triệu đồng; Huyện Đăk Glei 212 triệu đồng; Huyện Sa Thầy 317 triệu đồng; Huyện Kon Rẫy 317 triệu đồng; Huyện Kon Plông 212 triệu đồng.

**6. Tờ trình về Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch năm 2020 kéo dài**

**a) Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch kế hoạch đầu tư công năm 2021:** Theo báo cáo của các chủ đầu tư, ước thực hiện đến 31/12/2021, tổng số vốn của các chương trình, dự án không có khả năng giải ngân hết đề nghị điều chuyển cho dự án khác là **69.133 triệu đồn**g.

**b) Các nguồn vốn năm 2020 chuyển nguồn chưa phân bổ chi tiết:** Tổng kế hoạch năm 2020 các nguồn vốn ngân sách địa phương chuyển nguồn sang năm 2021 đến nay chưa phân bổ là **5.672 triệu đồng**, trong đó: Vốn ngân sách địa phương dự kiến cho phần vay lại vốn nước ngoài để thực hiện các dự án ODA năm 2020 là **2.172 triệu đồng**; Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng tại Khu kinh tế cửa khẩu là **3.500 triệu đồng**.

Trên cơ sở tình hình thực hiện và báo cáo, đề xuất của các chủ đầu tư, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét:

(1) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2021 và năm 2020 kéo dài từ các dự án không có khả năng giải ngân hết vốn sang các dự án có khả năng giải ngân nhưng thiếu vốn **69.133 triệu đồng**.

(2) Phân bổ kế hoạch các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 chưa giao chi tiết **5.672 triệu đồng**.

(3) Điều chỉnh đơn vị đã được giao kế hoạch vốn, từ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh sang UBND thành phố Kon Tum để tiếp tục thực hiện 03 dự án.

**7. Tờ trình về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 tỉnh Kon Tum (lần 2)**

- Tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh khóa XI, tổng kế hoạch năm 2021 của các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa được phân bổ chi tiết là **571.950 triệu đồng**, gồm: Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức **40.000 triệu đồng**; Nguồn thu tiền sử dụng đất **490.000 triệu đồng;** Nguồn thu xổ số kiến thiết **41.950 triệu đồng**.

- UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, phân bổ chi tiết kế hoạch năm 2021 (lần 2) với số tiền **271.950 triệu đồng**, trong đó: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức là **40.000 triệu đồng**; Nguồn thu tiền sử dụng đất là **190.000 triệu đồng** *(Đối với số vốn còn lại* ***300.000 triệu đồng****, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, tham mưu trình HĐND tỉnh khi đảm bảo theo quy định)*; Nguồn thu xổ số kiến thiết là **41.950 triệu đồng**.

**8. Tờ trình về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn hỗ trợ hợp tác với Lào và Campuchia năm 2021**

Dự án Quốc môn cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum có tổng mức đầu tư khoảng **32.970,7 triệu đồng**; đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ hợp tác với Lào và Campuchia và ngân sách địa phương. Tổng số vốn đã bố trí cho dự án đến thời điểm hiện nay là **30.232 triệu đồng**.

Tại Công văn số 6618/BKHĐT-KTĐN ngày 30/9/2021 về việc thông báo kế hoạch vốn Hỗ trợ hợp tác với Lào và Campuchia năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch kinh phí năm 2021 cho tỉnh là **2.000 triệu đồng** để hỗ trợ xây dựng quốc môn tại cửa khẩu Bờ Y, tỉnh Kon Tum. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ **2.000 triệu đồng** từ nguồn hợp tác với Lào và Campuchia kế hoạch năm 2021 để triển khai thực hiện Dự án Quốc môn cửa khẩu Quốc tế Bờ Y.

**9. Tờ trình về giảm mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng *(đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu)* trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y tỉnh Kon Tum do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.**

Để hỗ trợ giúp doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19, khôi phục sản xuất kinh doanh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh quyết định việc giảm mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng *(đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu)* trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y tỉnh Kon Tum do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cụ thể như sau:

- **Mức giảm**: Giảm 30% mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng *(đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu)* trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y quy định tại mục I phần B *(Phí thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, đầu tư xây dựng)* của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- **Thời gian áp dụng**: Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực cho đến hết ngày 31/3/2022.

**10. Tờ trình Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 và không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.**

Căn cứ chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 và không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tumnhư sau:

1. Quy định mức học phí của các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2021-2022

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cấp học** | **Vùng và mức học phí** | | |
| **Vùng 1** | **Vùng 2** | **Vùng 3** |
| 1 | Mầm non | 52.000 | 30.000 | 25.000 |
| 2 | Trung học cơ sở | 40.000 | 23.000 | 19.000 |
| 3 | Trung học phổ thông | 52.000 | 30.000 | 25.000 |

b) Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp tổ chức học trực tuyến (học online) hoặc vừa tổ chức học trực tuyến vừa tổ chức học trực tiếp, cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức thu bằng mức học phí tại Khoản 1 Điều này. Không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học.

2. Quy định không thu học phí có thời hạn: (1) Không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. (2) Ngân sách Nhà nước cấp bù cho các cơ sở giáo dục có đối tượng không thu học phí tại Khoản 1 Điều này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**\* Lý do đề nghị không thu học phí:** Tại Điều 17 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: *“Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.”* và tại Văn bản số 3277/BGDĐT-KHTC ngày 04/8/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc thực hiện chia sẻ khó khăn, hỗ trợ học sinh, sinh viên và phụ huynh trong tình hình dịch bệnh COVID-19.

**11.Tờ trình về giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính ban hành về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh năm 2021 **bằng mức tối đa** theo quy định Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, cụ thể:

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Biện pháp công trình** | **Mức giá**  **(1.000 đồng/ha/vụ)** |
| 1 | Tưới tiêu bằng động lực | 1.629 |
| 2 | Tưới tiêu bằng trọng lực | 1.140 |
| 3 | Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ | 1.385 |

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới đối với cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo biểu sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Các đối tượng dùng nước | Đơn vị | Mức giá theo các biện pháp công trình | |
| Bơm | Hồ đập,  kênh cống |
| 1 | Cấp nước cho chăn nuôi | đồng/m3 | 1.320 | 900 |
| 2 | Cấp nước để nuôi trồng thủy sản | đồng/m3 | 840 | 600 |
| đồng/m2 mặt thoáng/năm | 250 | |
| 3 | Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu | đồng/m3 | 1.020 | 840 |

4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

**12. Tờ trình thông qua danh mục nhà, đất của các cơ quan, đơn vị phải di dời theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.**

Để triển khai quy hoạch đã được phê duyệt cũng như lập các thủ tục về quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai… và xác định vị trí mới của Trung tâm Đăng kiểm, phục vụ công tác xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và triển khai các thủ tục về cổ phần hóa đảm bảo kịp thời, đúng quy định; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục nhà, đất của Trung tâm Đăng kiểm 82.01.S phải di dời theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Kon Tum.

**13. Tờ trình về bổ sung dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ.**

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ);* Căn cứ nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án trên địa bàn các huyện năm 2021, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/5/2018, như sau:

**-** Tổng số dự án, công trình trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối *(2016-2020)* cấp tỉnh là 08 dự án/68,06 ha **gồm:**

**+ Huyện Ngọc Hồi thực hiện các dự án: *(1)*** Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt công nghệ cao; ***(2)*** Dự án Trang trại nông nghiệp tổng hợp SHP và ***(3)*** Dự án Trạm cắt 220kV Pờ Y và hướng tuyến đường dây 220kV đấu nối từ cụm thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 *(Lào)* vào hệ thống điện Việt Nam.

**+ Huyện Đăk Glei thực hiện các dự án: *(1)*** Dự án Bố trí ổn định dân di cư tự do xã Đăk Long, huyện Đăk Glei và ***(2)*** Dự án Bố trí ổn định dân di cư tự do xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei.

**+ Huyện Kon Plôngthực hiện các dự án: *(1)*** Dự án khu nhà ở liền kề có vườn tại thị trấn Măng Đen và ***(2)*** Dự án thủy điện Đăk Lô 3.

**+ Huyện Đăk Tô thực hiện dự án:** Giao đất cho Tòa Giám mục Kon Tum để xây dựng cơ sở thờ tự phục vụ sinh hoạt Tôn giáo.

Trên cơ sở rà soát chỉ tiêu sử dụng đất của các huyện, UBND tỉnh đã cân đối chỉ tiêu sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện dự án, việc cân đối chỉ tiêu sử dụng đất giữa các huyện trên địa bàn tỉnh Kon Tum không làm thay đổi chỉ tiêu kế hoạch sử dụng các loại trong kế hoạch sử dụng đất giai đoạn *(2016-2020)* tỉnh Kon Tum đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/5/2018. Sau khi được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các ngành chuyên môn tham mưu quyết định cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện.

**14. Tờ trình về Danh mục các dự án cần thu hồi năm 2021 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang dự án khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung).**

Căn cứ nhu cầu thu hồi đất; nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2021 và dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung), như sau:

**a)** Tổng số dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất trong năm 2021 đề nghị HĐND tỉnh thông qua là: 02 dự án/28,99 ha.

**b)** Tổng diện tích đất trồng lúa đề nghị HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất vào mục đích khác là 06 dự án/5,02 ha*.*

**15. Tờ trình về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

Để hoàn thiện thủ tục, triển khai thực hiện đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh, căn cứ Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sang mục đích khác, cụ thể:

- Chuyển mục đích sử dụng 0,38 ha rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện Dự án di dời đường dây trung, hạ áp nằm trong phạm vị giải phóng mặt bằng thuộc dự án thành phần 2 (đoạn quan tỉnh Kon Tum) dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24. Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 0,38 ha. Loại rừng: Rừng sản xuất.Nguồn gốc hành thành rừng: Rừng trồng. Loài cây: Thông ba lá.

- Chuyển mục đích sử dụng 0,59 ha rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến Nhà máy thủy điện IaLy, Diện tích rừng đề nghị chuyển đổi: 0,59 ha.Loại rừng: Rừng sản xuất. Nguồn gốc hành thành: Rừng trồng. Loài cây: Thông ba lá: 0,15 ha, rừng trồng Cao su: 0,44ha*.*

*(Riêng dự án Khu nhà ở liền kề có vườn tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, UBND tỉnh đã có Tờ trình xin rút chưa trình chuyển mục đích sử dụng rừng dự án này)*

**16. Tờ trình về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Kè hai bên bờ suối Đăk Ter (Đoạn từ cầu Đăk Tíu đến làng Mô Pả) huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.**

- Dự án Kè hai bên bờ suối Đăk Ter *(Đoạn từ cầu Đăk Tíu đến làng Mô Pả)* huyện Tu Mơ Rông được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 17/4/2020; UBND tỉnh phê duyệt dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 với tổng mức đầu tư dự án **28.000 triệu đồng** *(trong đó: nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 là 25.000 triệu đồng và nguồn cân đối ngân sách địa phương là 3.000 triệu đồng)*; **thời gian thực hiện 01 năm; tiến độ thực hiện dự án: năm 2020**. Đến ngày 31/12/2020, dự án đã giải ngân được **12.605 triệu đồng/25.000 triệu đồng** nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019.

- Tại Công văn số 3634/BKHĐT-TH ngày 11/6/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân dự án; trong đó có dự án Kè hai bên bờ suối Đăk Ter *(Đoạn từ cầu Đăk Tíu đến làng Mô Pả)* huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 **đến ngày 31/12/2021 là 12.394 triệu đồng**.

Do đó, để có cơ sở tiếp tục thực hiện và giải ngân số vốn còn lại theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh thời gian thực hiện từ “**01 năm**” thành “**02 năm**”.

- Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án “**Năm 2020**” thành “**Từ năm 2020**”.

**17. Tờ trình về Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông.**

- Dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum do UBND huyện Tu Mơ Rông làm chủ đầu tư đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 với tổng mức đầu tư **49.500 triệu đồng**, trong đó: Nguồn vốn ngân sách Trung ương *(Nguồn dự phòng chung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 giai đoạn 2016-2020)* **20.000 triệu đồng**, nguồn vốn Chương trình 30a năm 2020 *(Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09/12/2019)* **20.578 triệu đồng**, nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác **8.922 triệu đồng**.

- Theo báo cáo của UBND huyện Kon Plông và UBND huyện Ia H’Drai, hiện nay có một số dự án dự kiến không có khả năng giải ngân hết số vốn chương trình 30a thuộc kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2021 với số vốn khoảng **1.439,6 triệu đồng**. Để sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, việc điều chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển còn thừa từ huyện Kon Plông và huyện Ia H’Drai sang cho huyện Tu Mơ Rông để thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum là cần thiết và phù hợp.

- Để có cơ sở điều chuyển nguồn vốn 30a nêu trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (*tăng nguồn vốn Chương trình 30a; giảm nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác)* đã được HĐND tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/4/2020, cụ thể như sau:

**a) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đã được HĐND tỉnh Quyết định tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 như sau:**

- Nguồn vốn Chương trình 30a: Điều chỉnh từ **20.578 triệu đồng** thành **22.017,62 triệu đồng** (tăng 1.439,62 triệu đồng).

- Nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác: Điều chỉnh từ **8.922 triệu đồng** thành **7.482,38 triệu đồng** (giảm 1.439,62 triệu đồng)

**b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án sau khi điều chỉnh:**

- Vốn ngân sách Trung ương (*Nguồn dự phòng chung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020*): **20.000 triệu đồng**.

- Nguồn vốn Chương trình 30a là **22.017,62 triệu đồng**, trong đó: Nguồn vốn Chương trình 30a năm 2020 *(đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09/12/2019)* **20.578 triệu đồng**; Nguồn vốn Chương trình 30a năm 2020 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2021 là **1.439,62 triệu đồng**.

- Nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác **7.482,38 triệu đồng**.

**18. Tờ trình về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy**

**a) Thông tin Dự á**n: Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy có tổng mức đầu tư **75.000 triệu đồng** được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17/4/2020, UBND tỉnh giao thực hiện chủ trương đầu tư tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; Phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 26/7/2020. Dự án đã được điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh, trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng **35.000 triệu đồng**.

- Theo báo cáo của chủ đầu tư *(UBND huyện Sa Thầy*), đến thời điểm hiện nay dự án triển khai thi công với khối lượng đạt khoảng 60%. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án cần phải bổ sung chiều dài tuyến đường N1 nhằm kết nối, phục vụ thi công xây dựng nhà máy của Tập đoàn TH, thu hút đầu tư, đồng thời khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai, phát triển cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm xã, nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án là cần thiết và phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

**b) Nội dung điều chỉnh:** Qua rà soát, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh một số nội dung của dự án so với chủ trương đầu tư đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 và Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/4/2021, cụ thể như sau:

**- Mục tiêu đầu tư:** Điều chỉnh mục tiêu giải quyết nhu cầu đất ở từ khoảng **700 hộ dân** lên khoảng **1.200 hộ dân** (*trong đó sắp xếp ổn định tại chỗ tăng từ 50 hộ dân lên khoảng 100 hộ dân*).

**- Quy mô đầu tư:** Điều chỉnh quy mô đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ từ khoảng **700 hộ dân** lên khoảng **1.200 hộ dân** và diện tích dự án tăng từ khoảng **42ha** lên khoảng **73ha**.

**- Nhóm dự án:** Điều chỉnh từ dự án **nhóm C** thành dự án **nhóm B**.

**- Tổng mức đầu tư:** Tăng tổng mức đầu tư dự án **từ 75.000 triệu đồng lên 123.000 triệu đồng** (tăng 48.000 triệu đồng).

**- Cơ cấu nguồn vốn:** Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn ngân sách huyện tăng **từ 40.000 triệu đồng lên 88.000 triệu đồng** (tăng 48.000 triệu đồng).

**- Thời gian thực hiện:** Từ 02 năm lên thành 04 năm.

**- Tiến độ thực hiện dự án:** Từ năm 2020-2021 thành từ năm 2020-2023.

**19. Tờ trình về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Căn cứ các văn bản liên quan, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020. Tuy nhiên, ngày 04/6/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025 và ngày 16/9/2021, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBDT Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Theo đó, địa bàn thường trú của học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ, được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh đã không còn phù hợp so với quy định mới. Vì vậy, cần ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 2 như sau:

“b) Địa bàn thường trú của học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh thuộc các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 2 như sau:

“b) Địa bàn thường trú của học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh thuộc các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi”.

3. Sửa đổi, bổ sung danh sách địa bàn, các trường xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do nhà xa trường hoặc do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn tại các phụ lục kèm theo quy định tại đoạn cuối Điều 2 và bổ sung khoản 3 như sau:

*“3. Danh sách địa bàn, các trường xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do nhà xa trường hoặc do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (có các phụ lục kèm theo).*”

**20. Tờ trình về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, cử tri có nhiều ý kiến, kiến nghị tại các kỳ họp HĐND tỉnh, đồng thời qua công tác khảo sát cho thấy việc thực hiện Nghị quyết phát sinh một số hạn chế, vướng mắc. Để khắc phục những hạn chế, bất cập, đảm bảo các địa phương, cơ sở chủ động, linh hoạt trong việc sắp xếp, bố trí các chức danh không chuyên trách ở cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được giao, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND, cụ thể:

**a) Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:**

**“Điều 2. Chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã**

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã bao gồm các chức danh: a) Văn phòng Đảng ủy; b) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; d) Tổ chức- Kiểm tra; đ) Tuyên giáo-Dân vận; e) Kinh tế - Tổng hợp; g) Văn hóa - Xã hội; h) Văn thư - Lưu trữ -Thủ quỹ; i) Nhân viên Thú y; k) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; l) Phó Chủ tịch Hội Nông dân; m) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; n) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; o) Chủ tịch Hội người cao tuổi; p) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

2. Về số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn: a) Cấp xã loại 1 bố trí 14 người; b) Cấp xã loại 2 bố trí 12 người; c) Cấp xã loại 3 bố trí 10 người.

3. UBND các huyện, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của các địa phương trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ quyết định bố trí các chức danh cho phù hợp (*trong đó cấp xã loại 1, xã biên giới được bố trí 02 người hoạt động không chuyên trách đảm nhiệm chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự*) nhưng đảm bảo không vượt quá số lượng người hoạt động không chuyên trách quy định tại khoản 2 điều này và mức khoán quỹ phụ cấp quy định tại Khoản 5 Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

4. Mức phụ cấp (*chưa bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế*):

a) Đối với các chức danh: Văn phòng Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự: 1,04 mức lương cơ sở.

b) Đối với các chức danh: Tổ chức-Kiểm tra; Tuyên giáo-Dân vận: 1,0 mức lương cơ sở.

c) Đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Kinh tế - Tổng hợp; Văn hóa - Xã hội; Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: 0,94 mức lương cơ sở.

d) Đối với chức danh Nhân viên Thú y: 0,84 mức lương cơ sở.”

**b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 6 như sau:**

“2. Khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động cho mỗi thôn, tổ dân phố là 20.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm *(đã bao gồm kinh phí chi trả cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố)*. Việc chi bồi dưỡng cho người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố khi tham gia trực tiếp công việc của thôn, tổ dân phố tại Điều 5 không bao gồm các chức danh: Bí thư; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận và Thôn đội trưởng. Ngoài mức khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động nêu trên, tùy theo điều kiện khả năng cân đối ngân sách, UBND cấp huyện, cấp xã trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ thực tế”.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.